

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 23/05/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 87

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật! Hôm nay, tôi giảng kinh văn phẩm thứ bốn mươi lăm.

PHẨM THỨ BỐN MƯƠI LĂM: CHỈ LƯU LẠI MỖI KINH NÀY

Phẩm kinh văn này nói về việc tương lai lúc kinh pháp diệt tận, Phật dùng sức từ bi gia trì cho bộ kinh này trụ thế trong 100 năm cuối cùng. Phàm những ai gặp được kinh này, tùy theo ý nguyện đều có thể được độ. Qua đó hiển thị sâu sắc lòng từ của Phật là vô tận, ân Phật là vô cùng. Đồng thời biểu thị rõ ràng: diệu pháp trì danh thực sự là thuốc a-già-đà cứu độ chúng sanh. Trong thời kỳ pháp diệt, chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng nhưng vẫn có thể nương vào pháp này mà thoát ly sanh tử. Nhân đây có thể biết, pháp này tiện lợi rất ráo cùng cực, không thể nghĩ bàn.

Mời xem kinh văn.

Nay Ta nói kinh pháp này cho các chúng sanh, khiến họ được thấy Phật Vô Lượng Thọ và hết thảy mọi thứ trong cõi nước ngài, việc đáng nên làm thì đều có thể cầu được. Chớ để sau khi Ta diệt độ rồi, lại sanh nghi hoặc.

Thích-ca Mâu-ni Phật nói: hôm nay, Ta tuyên nói pháp môn Tịnh độ cho tất cả chúng sanh, đồng thời để mọi người tận mắt nhìn thấy A-di-đà Phật cùng với các thứ trang nghiêm nơi Tịnh độ Cực Lạc, khiến mọi người sanh khởi tín tâm chân thật. Đồng thời, cũng nhờ uy đức của Di-đà gia trì mà thiện căn của mọi người đều được tăng trưởng.

“Việc đáng nên làm” là nguyện và hạnh đã phát để cầu sanh Cực Lạc.

“Đều có thể cầu được”, chỉ cần tuân theo lời dạy trong kinh Phật thì những nguyện và hạnh này thấy đều được viên mãn.

“Chớ để sau khi Ta diệt độ rồi, lại sanh nghi hoặc”, Phật răn dạy đại chúng: các ông đều đã tận mắt nhìn thấy Tịnh độ Cực Lạc, đừng để sau khi Ta nhập niết-bàn lại nảy sanh nghi hoặc đối với pháp môn Tịnh độ. Nếu nảy sanh nghi hoặc thì phải làm sao?

1. Tỉnh giáo thiện tri thức.

2. Tinh tấn tu pháp. Phải thường xuyên phản tỉnh, tìm xem nghi hoặc ở chỗ nào, nhanh chóng giải trừ nghi hoặc, đừng dè nén nó một cách khiên cưỡng.

Trong phần Lưu Thông của kinh này, Phật lần nữa răn dạy đại chúng phải nỗ lực đoạn trừ nghi hoặc.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Đời tương lai, khi kinh đạo diệt hết, Ta vì lòng từ bi thương xót, đặc biệt lưu kinh này lại một trăm năm. Nếu có chúng sanh nào gặp được kinh này, tùy theo ý nguyện, đều được độ thoát.

“Đặc biệt lưu kinh này lại một trăm năm”, đại sư Thiện Đạo nói: sau 10.000 năm, khi tam bảo trên thế gian đều bị diệt hết, bộ kinh này sẽ trụ thế trong 100 năm cuối cùng. Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: kinh này dạy người niệm Phật vãng sanh Tây Phương, trong 100 năm cuối cùng, Phật chỉ lưu lại bộ kinh này để cứu độ chúng sanh. Kinh Đại Niết-bàn và kinh Lăng-nghiêm đều chỉ bày Phật tánh vốn có của mỗi người, là pháp cực sâu trong thánh giáo, song chúng sanh thời mạt căn khí ngu độn, không ai có thể hiểu nổi, vì thế hai bộ kinh này sẽ bị diệt trước tiên. Hiện nay có một số học giả đã nói kinh Lăng-nghiêm là giả, ví dụ như quyển Lăng-Nghiêm Bách Ngụy v.v..

Ví như ngọn đèn dầu khi sắp tắt, đột nhiên phát sáng mạnh mẽ, càng tỏa sáng hơn; con người lúc lâm chung cũng có hiện tượng “hồi quang phản chiếu”. Phật pháp cũng như vậy, khi pháp sắp diệt tận sẽ xuất hiện ánh sáng trí tuệ chưa từng có. Nếu không như thế, chúng sanh lúc bấy giờ càng thêm ngu si, làm sao có thể tiếp nhận kinh này.

Có người sẽ hỏi: vì sao không để lại các kinh điển khác? Các kinh điển khác, chúng sanh ngay cả đạo lý còn không hiểu nổi, nói gì đến việc tu trì. Như trong kinh Kim Cang nói “nên không trụ vào đâu mà sanh tâm”, “phàm những gì có tướng đều là hư vọng” v.v., đây đều là những câu cực kỳ thù thắng, thế nhưng chúng sanh sao có thể làm nổi. Bộ kinh này thì hết sức dễ dàng, chỉ niệm một câu A-di-đà Phật là có thể thoát ly sanh tử. Đây là pháp cứu độ chúng sanh cực kỳ tiện lợi.

Hoàng Niệm lão nói: “Tôi thường nghĩ, hiện nay đã là mạt pháp, không nên quá trách cứ các pháp sư. Mọi người chỉ có trình độ đến thế thôi, tương lai sẽ còn kém hơn hiện tại. Lúc pháp sắp diệt tận, nếu ai biết niệm A-di-đà Phật thì người đó chính là kim cang a-xà-lê, vì những người khác đều không biết niệm, chỉ có vị a-xà-lê biết niệm mà thôi, đây đã là việc vô cùng thù thắng rồi. Một thời gian sau đó nữa, trên không trung sẽ xuất hiện bốn chữ ‘A-di-đà Phật’, mọi người đều nhìn thấy, có những chúng sanh vẫn biết niệm tụng tu trì, mãi cho đến khi Phật pháp hoàn toàn diệt tận. Có thể thấy, bộ kinh này là kinh điển quý báu để độ sanh, Phật dùng uy lực gia trì chỉ để lại bộ kinh này trụ thế 100 năm, đó là vì bộ kinh này cực kỳ tiện lợi, có thể làm lợi ích cho chúng sanh nhất. Đối với câu nói này, mọi người nên suy nghĩ sâu sắc.”

“Gặp được kinh này, tùy theo ý nguyện, đều được độ thoát”, trong Tịnh Ảnh Sớ nói: người gặp được bộ kinh này nhất định có thể thỏa mãn ý nguyện của mình, đây là nói về lợi ích của việc chỉ để lại bộ kinh này. Lúc pháp sắp sửa diệt, sau khi nghe được bộ kinh này còn có thể vãng sanh Cực Lạc, huống hồ hiện nay chúng ta nghe kinh và tin nhận, lẽ nào lại không vãng sanh Tây Phương. Chỉ cần tín nguyện trì danh, nhất định vãng sanh Cực Lạc, đối với điều này không cần phải nghi ngờ lo lắng.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Như Lai xuất hiện ở đời, khó gặp khó thấy. Kinh đạo của chư Phật, khó được, khó được nghe. Gặp được thiện tri thức, nghe pháp và có thể thực hành, điều ấy cũng là khó. Nếu nghe kinh này mà tin ưa thọ trì, thì là việc khó nhất trong các việc khó, không gì khó hơn.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích:

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Nhu Lai xuất hiện ở đời, khó gặp khó thấy. Kinh đạo của chư Phật, khó được, khó được nghe. Gặp được thiện tri thức, nghe pháp và có thể thực hành, điều ấy cũng là khó.”

“Nhu Lai xuất hiện ở đời”, trong Tư Trì Ký nói: pháp thân của Phật trọn khắp pháp giới, không có sanh diệt đến đi, thường hằng không đổi. Vì để độ hóa chúng sanh mà thị hiện giáng sanh ở vương cung, xuất gia tu đạo, hàng ma, thành Phật.

“Khó gặp khó thấy”, Phật thị hiện ở thế giới này rất khó gặp được, lại càng không dễ dàng trông thấy.

“Kinh đạo của chư Phật, khó được, khó được nghe”, kinh pháp do chư Phật nói ra rất không dễ gì nghe được.

“Gặp được thiện tri thức, nghe pháp và có thể thực hành, điều ấy cũng là khó”, gặp được thiện tri thức, nghe được pháp và có thể tu hành thì rất hiếm có. “Thiện tri thức”, trong Viên Giác Kinh Đại Sớ, quyển 15 nói: người thấu suốt chân vọng, thông đạt bốn bờ chân thật, biết rõ căn cơ của chúng sanh và có thể tùy bệnh cho thuốc, gọi là thiện tri thức. Trong An Lạc Tập nói: thiện tri thức có thể nói những pháp rất sâu, an trụ nơi lý thể thực tế, ở trong “rốt ráo không” mà hăng hái kiến lập tất cả pháp. Thiện tri thức giống như cha mẹ nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng của chúng sanh; thiện tri thức giống như đôi mắt giúp chúng sanh nhận rõ nẻo thiện ác; thiện tri thức giống như thuyền lớn chở chúng sanh qua biển sanh tử; thiện tri thức giống như dây thừng kéo chúng sanh ra khỏi biển sanh tử. Muốn chứng được vô thượng bồ-đề, bạn nên thân cận thiện tri thức để thỉnh giáo pháp yếu nơi họ.

Làm thế nào để nhận biết thiện tri thức? Trong kinh Viên Giác nói: thiện tri thức cần hội đủ các điều kiện như sau:

1. Có chánh tri kiến.

Trong Viên Giác Đại Sớ nói: thấu đạt tánh giác vốn sẵn có, không phải từ bên ngoài mà được, cũng không phải do tu trì mà sanh ra, đây là chỗ mà sự hành trì chẳng thể đạt tới. Chỉ sau khi nhập “vô tâm tam-muội”, sờ đến chạm vào mà bỗng nhiên sáng tỏ. Tuy không phải do tu trì mà sanh ra, nhưng nhờ tu đức có công nên tánh đức mới hiển lộ. Lại nữa, khéo phân biệt tất cả pháp mà đối với “đệ nhất nghĩa” vẫn bất động, tri kiến như vậy gọi là chánh tri kiến.

2. Tâm không trụ tướng.

Trong Đại Sớ nói: không làm bạn với vạn pháp, lìa khỏi cảnh giới phiền não của phàm phu. Nếu có một chút tâm phân biệt thì đều gọi là trụ tướng. Thậm chí đối với bồ-đề, niết-bàn đều không mảy may chấp trước hoặc lấy bỏ, hưởng hồ là cảnh giới mộng huyễn của thế gian. Không chấp trước vào cảnh giới sắc thanh hương vị xúc pháp, không trụ vào đâu mà sanh tâm.

3. Không chấp vào cảnh giới Thanh văn, Duyên giác.

Kinh Xung Tán Đại Thừa nói: “Thà ở địa ngục trải qua trăm ngàn kiếp, quyết không phát tâm Nhị thừa.” Đây là chỗ độc đáo của Phật pháp Đại thừa. Giới luật Mật tông quy định: ở cùng chúng Thanh văn bảy ngày là phá giới. Trong Đại Sớ nói: người có tri kiến sai lầm, dẫu hành vi không sai lệch cũng không thể làm bậc đạo sư cho chúng sanh. Còn người dẫu có hành vi sai lệch nhưng không có tri kiến sai lầm thì chính là bậc đạo sư thực thụ của cõi trời người. Điều này trái ngược với cách nghĩ của phàm phu. Phàm phu ở trong tri kiến điên đảo nên không hiểu thế nào là bậc đạo sư thực sự. Luận chú của những đại đức này rất có trọng lượng, rất có tính khai sáng và sức cảm hóa.

4. Dù làm việc trần lao nhưng nội tâm luôn thanh tịnh.

Họ cũng thị hiện có lỗi lầm, nhưng lại tán thán phạm hạnh, không để chúng sanh phá giới. Cầu được người như vậy thì bạn có thể chứng được vô thượng bồ-đề.

Làm thế nào để cầu thiện tri thức?

Trong Đại Luận nói: đối đãi với những thiện tri thức này, phải nên như đối với Phật vậy. Nếu có người có thể khai thị và giải thích nghĩa lý thâm sâu, phá tan mọi nghi của chúng sanh, tháo gỡ những nút thắt trong lòng chúng sanh, thì mọi người nên chí thành cung kính họ, đừng để tâm đến những khuyết điểm của họ. Ví như nói: không thể vì cái túi đựng châu báu hơi bẩn mà vứt bỏ cả châu báu; không thể vì người cầm đuốc không sạch sẽ mà từ chối cả ánh sáng soi đường. Đối với thiện tri thức cũng vậy, chỉ cầu ánh sáng trí tuệ của họ, đừng bận tâm đến lỗi lầm của họ. Thiên tông nói: “Muốn cầu đạo vô thượng, trước nhất chớ nghi thầy, chỉ hái trái mà ăn, đừng màng cành cây xiên.” Trong Đại Sớ nói: chỉ cần đối đãi tốt với thiện tri thức có mắt sáng, thì vào thời khắc then chốt, vị minh sư nhất định sẽ chỉ dẫn tâm yếu cho hành giả.

Kinh Pháp Cú đã dùng 21 loại ví dụ để hình dung về thiện tri thức. Ví dụ như: cha mẹ, cặp mắt, đôi chân, cái thang, ẩm thực, áo bâu, cây cầu, tài bảo, nhật nguyệt, thân mạng v.v.. Thiện tri thức có vô lượng công đức như thế, cho nên chúng ta nên thân cận họ. Mọi người từ nhiều kiếp đến nay, đều nhờ thiện tri thức hộ trì nên ngày nay mới có thể gặp được Như Lai, nhận được lợi ích của pháp. Vậy mà bản thân lại chưa từng nghĩ đến việc phải thân cận thiện tri thức để báo đáp ân đức lớn lao của họ. Nghĩ đến đây, đại chúng gào lên khóc lớn, có người thậm chí nhảy lên than khóc vì cảm kích ân đức lớn lao của thiện tri thức.

Trong phẩm “Phô giác” của kinh Viên Giác nói: người tu hành thời mạt pháp nên dùng tính mạng để cúng dường thiện tri thức.

Thế nào mới là sự cúng dường chân chính?

Trước tiên nên y giáo phụng hành, nhưng không phải chỉ là sự lễ kính bề ngoài, mà là làm theo lời dạy. Thiện tri thức đâu là thầy thuốc giỏi, mọi người may mắn gặp được rồi, nhưng nếu không y giáo phụng hành thì họ cũng đành bó tay hết cách, như thế gặp rồi cũng như chưa gặp. Đối với sự giáo hóa của thiện tri thức, nghe mà có thể tin, tin mà có thể làm, là vô cùng hiếm có.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Nếu nghe kinh này mà tin ưa thọ trì, thì là việc khó nhất trong các việc khó, không gì khó hơn.”

Ba cái khó nói ở trên chưa phải là khó nhất. Nếu nghe được bộ kinh này mà có thể hoan hỷ tin nhận, thì đây là cái khó nhất trong những cái khó, không gì có thể khó hơn điều này. “Khó” được nói ở đây không phải là nói pháp này khó tu, mà là nói người có đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên như vậy rất khó được. Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: các kinh điển khác, Phật chỗ chỗ đều tuyên nói; nhưng bộ kinh thực sự khai hiển pháp môn Tịnh độ, dạy người cách thức vãng sanh thì duy chỉ có bộ kinh này là đầy đủ nhất. Gặp được nhân duyên như thế này là vô cùng hiếm có khó được.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Nếu có chúng sanh nghe được tiếng Phật hiệu, từ tâm thanh tịnh, hớn hở hoan hỷ, lông tóc dựng đứng, hay mắt rơi lệ, đều do đời trước đã từng tu Phật đạo, nên không phải là người phạm. Nếu nghe được tiếng Phật hiệu, mà trong lòng hồ nghi, đối với lời kinh Phật đều chẳng tin, thì đều là từ ác đạo đi ra, tức

ương chưa dứt, chưa đến lúc được độ thoát, nên tâm hồ nghi, chẳng thể tin tưởng.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Nếu có chúng sanh nghe được tiếng Phật hiệu, từ tâm thanh tịnh, hớn hở hoan hỷ, lông tóc dựng đứng, hay mắt rơi lệ, đều do đời trước đã từng tu Phật đạo, nên không phải là người phàm.”

Nếu có chúng sanh nghe được danh hiệu A-di-đà Phật, nội tâm thanh tịnh, khởi tâm đại bi; hoặc là thân tâm vui sướng, sanh lòng đại hoan hỷ; hoặc là các lỗ chân lông trên khắp cơ thể mở ra, lông tóc dựng đứng; hoặc là buồn vui đan xen, lệ tuôn như mưa. Người như vậy, đời trước đều từng tu Phật pháp, từng hướng tới vô thượng bồ-đề, không phải là người thế tục thông thường. Thực tế mà nói, kinh này là pháp cực kỳ khó tin trong tất cả thế gian, đối với pháp này mà có thể sanh lòng tin, thì đó là người hiếm có trong tất cả thế gian. Đối với Viên giáo mà có thể sanh tín tâm chân thật, viên giải viên tu, thì có thể gọi là “viên nhân”. Viên kiến là thứ đặc biệt, nó nằm giữa sự khai ngộ và lý giải. Một ngày tu hành của “viên nhân” bằng một kiếp tu hành của người thường, cho nên thành Phật nhanh hay chậm tùy đều do kiến địa của chính người đó.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Nếu nghe được tiếng Phật hiệu, mà trong lòng hồ nghi, đối với lời kinh Phật đều chẳng tin, thì đều là từ ác đạo đi ra, tức ương chưa dứt, chưa đến lúc được độ thoát, nên tâm hồ nghi, chẳng thể tin tưởng.”

Nếu có chúng sanh nghe được danh hiệu A-di-đà Phật mà trong tâm hồ nghi không tin, người này là từ trong ác đạo mà đến. Do nghiệp chướng trong quá khứ chưa hoàn toàn tiêu trừ hết, nhân duyên đắc độ chưa chín muồi, nên trong lòng hồ nghi, không tin tưởng vào kinh luận của Phật. Kinh Kim Cang nói: “Về sau vào thời mạt pháp, nếu có người thọ trì đọc tụng kinh này, công đức có được, nếu Ta nói ra đầy đủ, hoặc có người nghe rồi, tâm liền cuồng loạn, hồ nghi không tin.”

Phẩm kinh văn này tuy không dài, nhưng đối với chúng sanh thời mạt pháp, đặc biệt là đối với người tu hành mà nói, có thể gọi là bậc đại thiện tri thức khó gặp. Hy vọng vô lượng chúng sanh từ trong đây kết được thiện duyên, nhận được sự khai

thì, nương vào bộ kinh này như nương vào bậc đạo sư để vững bước tiến về phía trước trên con đường học Phật.

Tiếp theo, tôi nói về cảm ngộ học tập kinh văn phẩm thứ bốn mươi lăm.

Cảm ngộ thứ nhất: lòng từ của Phật vô tận, ơn của Phật vô cùng; diệu pháp trì danh không thể nghĩ bàn.

Những từ như “vô tận”, “vô cùng”, “diệu pháp”, “không thể nghĩ bàn” trong cảm ngộ của tôi về “lòng từ của Phật vô tận, ơn của Phật vô cùng; diệu pháp trì danh không thể nghĩ bàn”, không biết các đồng tu có cùng cảm nhận như vậy hay không? Qua ba lần phúc giảng, mỗi lần phúc giảng tôi đều có cảm nhận, nhưng mức độ cảm nhận mỗi lần mỗi khác, lần sau mãnh liệt hơn lần trước. Tôi cảm thấy khi viết bài giảng cho bất kỳ đoạn kinh văn nào, những cảm nhận này tự nhiên bất giác tuôn trào ra ngoài, muôn vàn lời nói đều hóa thành một câu: cảm ơn, cảm ơn vô hạn!

Lòng cảm ơn chân thành có thể làm người khác cảm động, cũng khiến chính mình cảm động. Lòng cảm ơn của tôi là chân thành, nên tôi thường xuyên bị chính mình làm cho cảm động. Có lúc viết bài, viết mãi viết mãi, lệ tuôn ướt giấy. Lòng từ của Phật vô tận, ơn của Phật vô cùng, tôi đã đích thân cảm nhận được, tôi đã khắc cốt ghi tâm. Thế nào gọi là “vô tận”? Thế nào gọi là “vô cùng”? Chính là không bờ không bến, vô lượng kiếp lại vô lượng kiếp cũng nói không hết. Thế nào gọi là “không thể nghĩ bàn”? Chính là dùng tư duy tưởng tượng cũng không tưởng tượng ra được, dùng ngôn ngữ để diễn đạt cũng không diễn đạt được. Vì sao tôi có cảm nhận sâu sắc đến như vậy? Là từ trải nghiệm thực tế của chính mình.

Năm 2000, tôi thân mang trọng bệnh, phải đối mặt với cái chết bất cứ lúc nào. Tôi tuyệt vọng, không nơi nương tựa, không cách xoay xở, chỉ ở nhà lặng yên chờ thần chết đến. Chính vào lúc đó, tôi có được bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ và một bộ đĩa giảng kinh Vô Lượng Thọ của lão pháp sư. Tôi đã nghe bộ đĩa này bất kể ngày đêm, nghe ròn rã suốt ba năm (từ năm 2000 đến năm 2003), mỗi ngày nghe mười mấy tiếng đồng hồ, ba năm không bước chân ra khỏi cửa. Vốn dĩ người ta nói tôi chỉ còn sống được tối đa nửa năm, vậy mà ba năm trôi qua, tôi vẫn sống sót một cách kỳ tích. Một vị giáo sư y khoa nói tôi đã tạo ra hai kỳ tích: một kỳ tích y học và một kỳ tích sinh mạng. Đến năm nay, năm 2024, 24 năm đã trôi qua, tôi vẫn đang sống khỏe mạnh và vui vẻ. Ngay cả bản thân tôi cũng thấy mình thực sự đã tạo nên kỳ tích.

Kỳ tích đó có phải là do tôi tạo ra hay không? Không phải. Tôi làm gì có bản lĩnh lớn đến thế. Vậy kỳ tích đó do ai tạo ra? Là do A-di-đà Phật tạo ra, là do kinh Vô Lượng Thọ tạo ra, là do lão pháp sư ^{thượng} Tịnh ^{hạ} Không tạo ra. Tôi không chỉ giữ lại được sinh mạng mà còn được cả huệ mạng. Diệu pháp trì danh không thể nghĩ bàn này thực sự quá đổi tuyệt vời, thực sự rất không thể nghĩ bàn. Cho nên bao nhiêu năm qua, tôi vẫn luôn nói với mọi người rằng: tôi là người thật sự hưởng lợi ích từ kinh Vô Lượng Thọ; tôi là người thật sự hưởng lợi ích từ danh hiệu A-di-đà Phật; tôi là người thật sự hưởng lợi ích từ diệu pháp trì danh này; tôi là người thực hành và là nhân chứng cho đại pháp vô thượng này. Chính trải nghiệm của bản thân đã giúp tôi nói ra những lời chân thật và đáng tin như vậy. Lòng từ của Phật vô tận, ơn của Phật vô cùng; diệu pháp trì danh không thể nghĩ bàn. Chúng ta hãy cảm niệm ơn Phật, báo đáp ơn Phật! Đời này không thành Phật thì không có gì để báo đáp ơn Phật.

Cảm ngộ thứ hai: người có thể tin pháp môn cực kỳ khó tin này là người hiếm có trong tất cả thế gian.

Ở đây, tôi muốn nói một cách trân trọng với những người niệm Phật chân chính rằng: bạn đã lựa chọn đúng con đường học Phật của mình. Pháp môn Tịnh độ niệm Phật là pháp cực kỳ khó tin trong tất cả thế gian, bạn đã lựa chọn pháp cực kỳ khó tin này, bạn thật không đơn giản chút nào. Bạn đừng coi thường chính mình, bạn là người hiếm có trong tất cả thế gian, hãy chú ý hai từ “hiếm có”. Hiếm có nghĩa là không nhìn thấy nhiều, rất khó gặp được. Tôi tuyệt đối không phải đang tăng bốc ai cả, tôi học phẩm kinh văn này mới biết được điều đó. Cho nên lời tôi nói là lời chân thật. Vì sao lại nói như vậy? Có kinh văn làm chứng: “Nếu có chúng sanh được nghe tiếng Phật hiệu, từ tâm thanh tịnh, hớn hở hoan hỷ, lông tóc dựng đứng, hay mắt rơi lệ, đều do đời trước đã từng tu Phật đạo, nên không phải là người phàm.” Xin hãy chú ý hai câu sau: đều do đời trước đã từng tu Phật đạo, nên không phải là người phàm. Hoàng Niệm lão giải thích rằng: người như vậy, đời trước đều đã từng tu Phật pháp, từng hướng tới vô thượng bồ-đề, không phải là người thế tục thông thường. Thực tế mà nói, bộ kinh này là pháp cực kỳ khó tin trong tất cả thế gian, đối với pháp này mà có thể sanh lòng tin, thì đó là người hiếm có trong tất cả thế gian. Tôi xin đánh lễ những người hiếm có trong thế gian này.

Hai bài kệ tụng:

(Một)

*Bạn đối Viên giáo thật tin tưởng
Viên giải viên tu gọi viên nhân
Viên nhân tu hành chỉ một ngày
Người thường tu hành vô lượng kiếp.*

(Hai)

*Pháp khó tin, cực kỳ khó tin
Bạn tin pháp này, chẳng tầm thường
Cho nên thành Phật nhanh hay chậm
Đều do một niệm của chính mình.*

Tiếp theo, chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ bốn mươi sáu.

PHẨM THỨ BỐN MƯƠI SÁU: SIÈNG TU KIÊN TRÌ

Trong phẩm kinh văn này, trước hết Thế Tôn dặn dò đại chúng gìn giữ bộ kinh này, kể đến khuyên bảo đại chúng cứu hộ chúng sanh, sau cùng nhắc đại chúng phải giải hành tương trợ, cầu sanh Tịnh độ.

Mời xem kinh văn:

Phật bảo ngài Di-lặc: pháp vô thượng của chư Phật Như Lai như: thập lực, vô úy, vô ngại vô trước, pháp thậm thâm, cùng với pháp của Bồ-tát như ba-la-mật v.v. chẳng dễ gặp được. Người có thể thuyết pháp cũng khó khai thị. Người tin sâu kiên cố, lại càng khó gặp hơn. Ta nay như lý tuyên nói pháp môn vi diệu rộng lớn như vậy, được hết thấy chư Phật xung tán, giao phó cho các ông làm đại thủ hộ.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích:

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Phật bảo ngài Di-lặc: pháp vô thượng của chư Phật Như Lai như: thập lực, vô úy, vô ngại vô trước, pháp thậm thâm, cùng với pháp của Bồ-tát như ba-la-mật v.v. chẳng dễ gặp được. Người có thể thuyết pháp cũng khó khai thị. Người tin sâu kiên cố, lại càng khó gặp hơn.”

“Pháp vô thượng của chư Phật Như Lai”, trong Trí Độ Luận nói: pháp vô thượng là chỉ cho niết-bàn, không có bất kỳ pháp nào có thể vượt qua nó. Trong

Vãng Sanh Luận Chú nói: pháp này thấu đạt triệt để bản tánh lý thể, không có gì cao hơn được nó.

“Thập lực, vô úy.” “Thập lực” là mười loại năng lực viên mãn của Như Lai. Ở đây chỉ nói đến “lậu tận thông trí lực”, sức mạnh của trí tuệ này có thể đoạn hết tất cả tập khí vọng hoặc, hơn nữa đoạn trừ vĩnh viễn không sanh khởi lại. “Vô úy” chỉ cho bốn món vô úy của Phật.

“Vô ngại, vô trước, pháp thậm thâm.” “Vô ngại” là thông đạt tự tại, giống như ánh sáng của hai ngọn đèn hòa quyện vào nhau, dung thông làm một. “Vô trước” là không có niệm chấp trước. “Chấp” là nắm chặt không buông, giống như khi chuyên cành trên cây, chân này vừa thả ra thì chân kia toan chộp lấy. “Trước” là dính chặt không thoát ra được, giống như con thiêu thân dính vào lưới nhện, không cách nào thoát khỏi. Pháp mà Như Lai đã nói thấy đều không thể chấp lấy, không thể diễn nói, giống như hoa sen mọc trong nước mà không dính nước; lại như mặt trời và mặt trăng di chuyển trong không trung mà không trụ vào không trung.

“Pháp thậm thâm” là chỉ cho các pháp thập lực vô úy, vô ngại, vô trước của Như Lai.

“Cùng với pháp của Bồ-tát như ba-la-mật v.v.”, kinh này là pháp bát-nhã thâm sâu, hàng Tiểu thừa chẳng thể thấu đạt. “Ba-la-mật” chỉ cho lục độ, trong đó bao gồm cả vạn hạnh. “Pháp của Bồ-tát” không chỉ tự mình độ thoát sanh tử mà còn phải khiến cho tất cả chúng sanh đều đến được bờ kia.

“Chẳng dễ gặp được”, các pháp nêu trên khó gặp khó thấy. Người có thể nghe được Phật pháp thì trong đời quá khứ đều đã từng tu Phật pháp, không phải là kẻ phàm phu. Trung Quốc có hơn một tỷ dân, nhưng có bao nhiêu người nghe được Phật pháp?

“Người có thể thuyết pháp cũng khó khai thị”, người khéo thuyết pháp đối với pháp môn vượt ngoài tình kiến, không thể nghĩ bàn này cũng rất khó dùng ngôn ngữ văn tự để khai thị. Có những người nghiên cứu được chút đạo lý rồi, cho đó là Phật pháp, thực ra đó chỉ là ý riêng của họ mà thôi. Nhưng nói đi cũng phải nói lại, nếu muốn “hiểu” thì vẫn phải bắt đầu từ việc lý giải. Tuy biết được một chút đạo lý nhưng không đồng nghĩa với việc đã “hiểu”. Giống như xem hiểu bản đồ rồi, nhưng không có nghĩa là bạn đã đặt chân đến nơi đó.

“Người tin sâu kiên cố, lại càng khó gặp hơn”, đối với pháp cực kỳ khó tin trong tất cả thế gian này mà có thể sanh lòng tin sâu, đó là do thiện căn đã gieo trồng trong nhiều đời, đến đời này đồng loạt phát khởi. Đây là một ngày hiếm có khó gặp trong vô lượng kiếp. Giống như con rùa mù giữa biển khơi mênh mông, tình cờ gặp được một khúc gỗ có lỗ tròn, đầu nó vừa vịn chui qua lỗ tròn đó, hít thở chút không khí. Có được niềm tin sâu đối với pháp này thực sự là khó gặp khó thấy, không phải là chuyện dễ dàng. Hiện nay có thể nói, trong mười đệ tử Phật thì có đến chín người rười là niềm tin hời hợt, thậm chí là mê tín.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Ta nay như lý tuyên nói pháp môn vi diệu rộng lớn như vậy, được hết thầy chư Phật xưng tán, giao phó cho các ông làm đại thủ hộ.”

“Ta nay như lý tuyên nói pháp môn vi diệu rộng lớn như vậy”, “như lý tuyên nói” là như lý thể thực tế mà nói, nói một cách như như. Diễn nói Phật pháp không hề khó, khó ở chỗ tuyên nói một cách “như lý”. Kinh Kim Cang nói: “Thế nào là diễn nói cho người? Không chấp vào tướng, như như bất động.” Vì sao người khéo thuyết pháp cũng khó lòng khai thị? Bởi vì người thuyết pháp không đạt tới cảnh giới “như như”. Như kinh Kim Cang nói: “Thọ thực xong, thu dọn y bát, rửa chân rồi trải tòa mà ngồi.” Phật ăn cơm cũng vậy, rửa bát cũng vậy, rửa chân cũng vậy, những việc ấy chính là bát-nhã phóng quang, từ đầu đến cuối đều ở trong [trạng thái] như như. Những việc này đều là đang diễn nói pháp vô thượng.

“Pháp môn vi diệu rộng lớn như vậy.” Nói theo nghĩa rộng là chỉ cho tất cả các pháp môn của Phật, nói theo nghĩa hẹp là chuyên chỉ cho pháp môn Tịnh độ. Pháp này trọn đủ muôn đức, trùm khắp các căn cơ, trên từ đại Bồ-tát bất thoái chuyển, dưới đến chúng sanh nơi địa ngục đều có thể vãng sanh. Không một ai là không thể tu trì, không một ai là không được nhiếp thọ, vì thế gọi là “rộng lớn”. Do duyên có niệm Phật mà thiện căn phước đức bỗng chốc đồng với Phật, nhiếp trọn toàn bộ công đức của Phật thành công đức của chính mình, vì thế gọi là “vi diệu”.

“Được hết thầy chư Phật xưng tán” có hai hàm nghĩa:

1. Phẩm thứ hai mươi ba “Mười phương Phật tán” của kinh này nói: vô lượng chư Phật mười phương đều đang khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ.

2. Trong kinh A-di-đà nói: chư Phật mười phương khen ngợi Thế Tôn diễn nói kinh Di-đà, tên gốc của kinh Di-đà là kinh “Công đức không thể nghĩ bàn, được hết thầy chư Phật hộ niệm.” Kinh này và kinh Di-đà thực tế là một bộ kinh, đều có công đức không thể nghĩ bàn, là kinh điển mà tất cả Như Lai đều hộ niệm, hộ trì và tán thán. Đại sư Thiện Đạo nói: “Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời, chỉ để nói biên bản nguyện của Di-đà.” Bộ kinh này vượt trên tất cả kinh điển, trở thành pháp bảo hiếm có đệ nhất.

“Giao phó cho các ông làm đại thủ hộ”, việc hộ trì bộ kinh này còn quan trọng hơn việc bảo vệ mạng sống của chính mình. Chữ “đại” trong “đại thủ hộ” có bốn hàm nghĩa:

1. Pháp lớn: đây là pháp khiến hết thầy chúng sanh đắc độ, là điều duy nhất mà Thế Tôn muốn nói.

2. Lợi ích lớn: trùm khắp ba căn, tiện lợi tột cùng, vượt ngang tam giới, chứng thẳng lên ngôi bất thoái.

3. Nguyện lớn: mỗi lời nói, mỗi hành động hoằng dương tán thán Tịnh độ đều quy về biên đại nguyện của Di-đà.

4. Trí lớn: đối với pháp này có thể tin nhận và hoằng dương, thực sự là trí tuệ hiếm có.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!